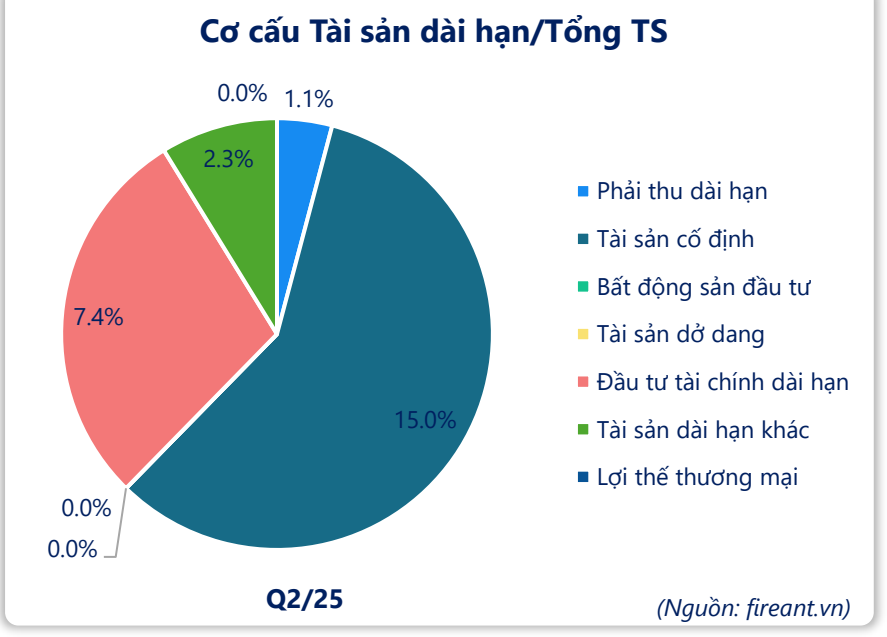
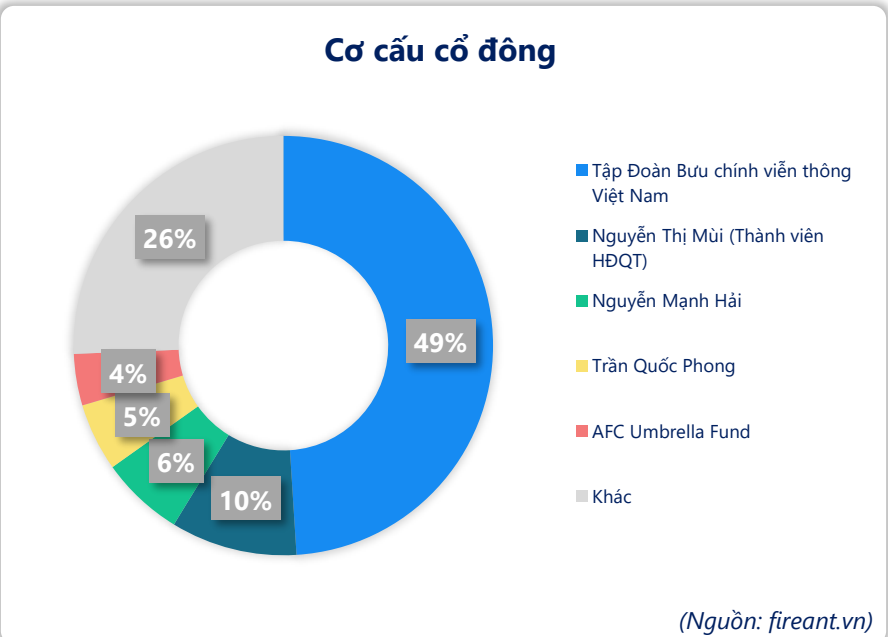
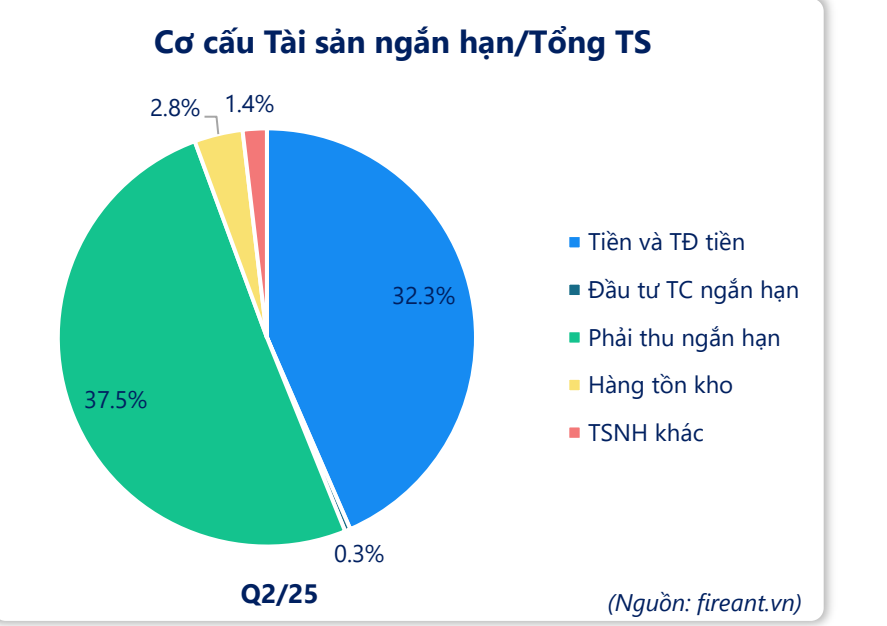
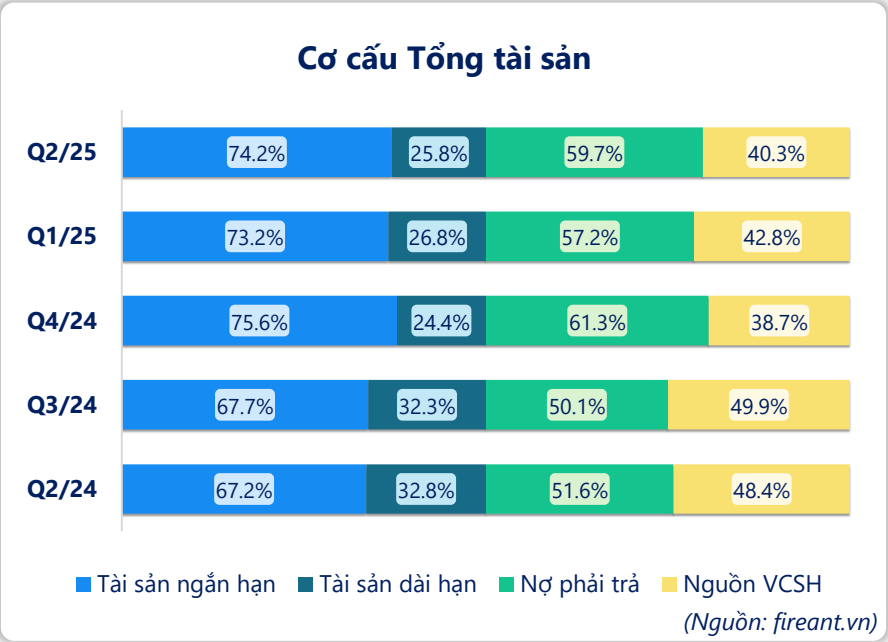
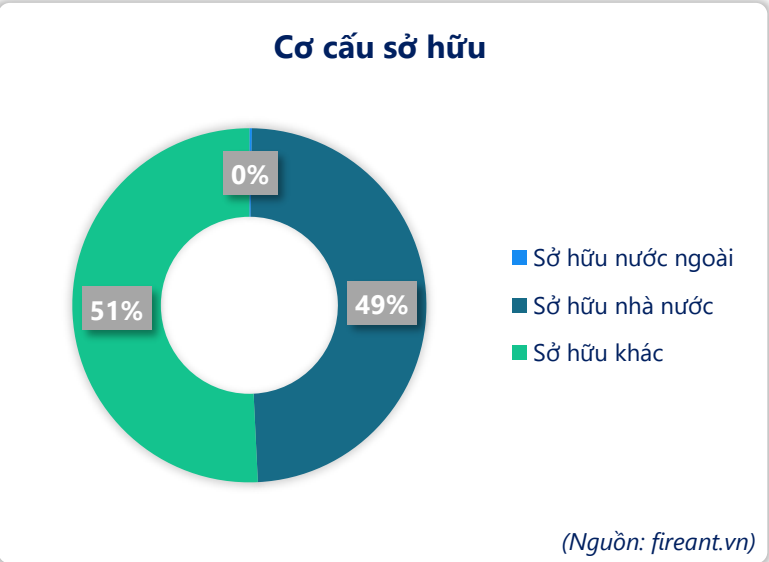
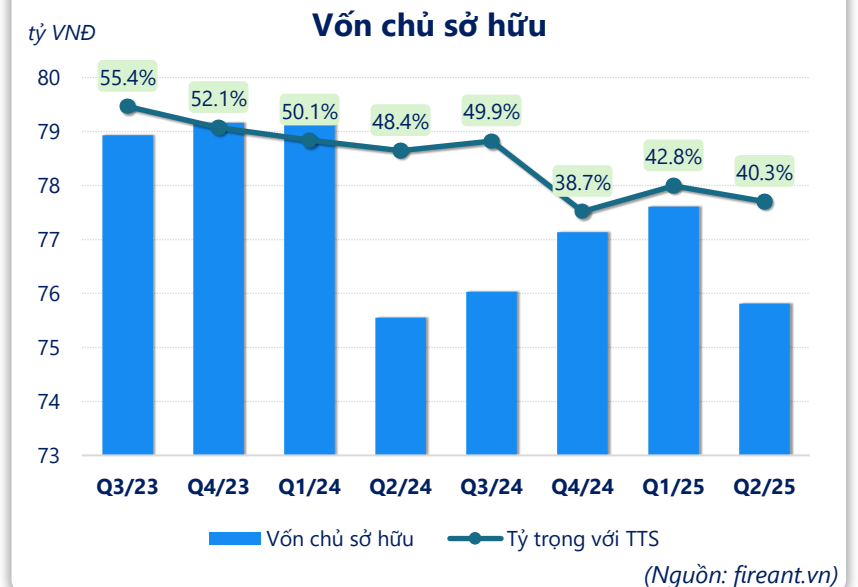
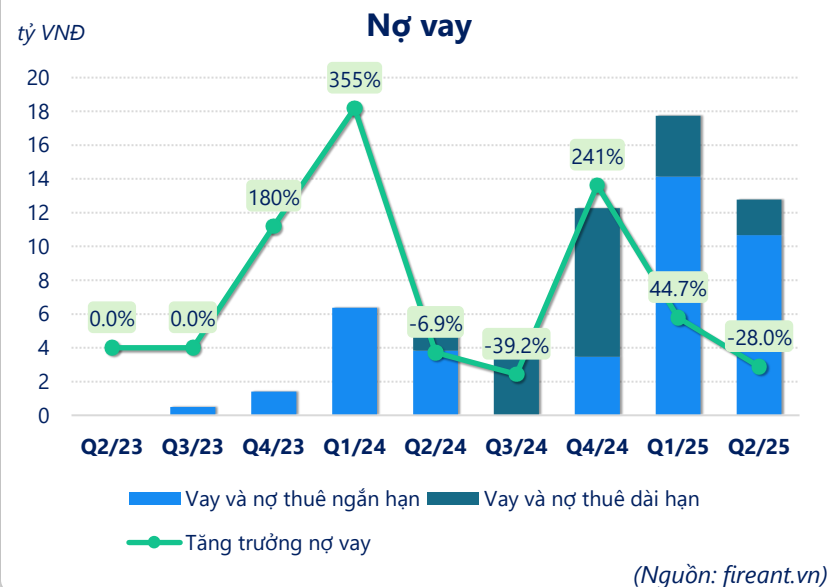
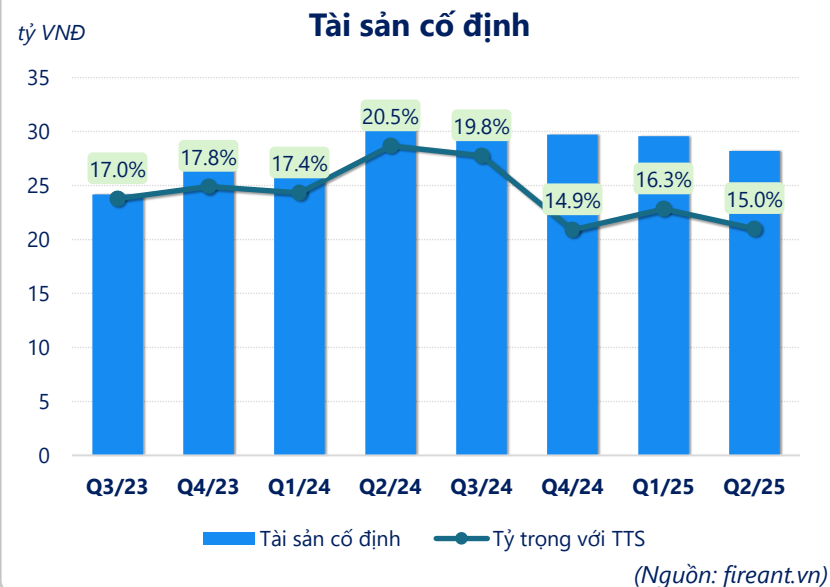
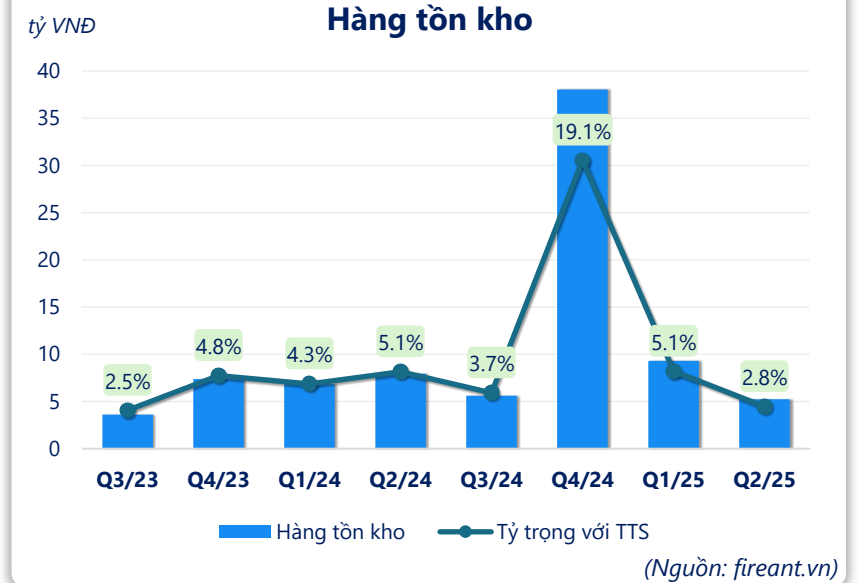
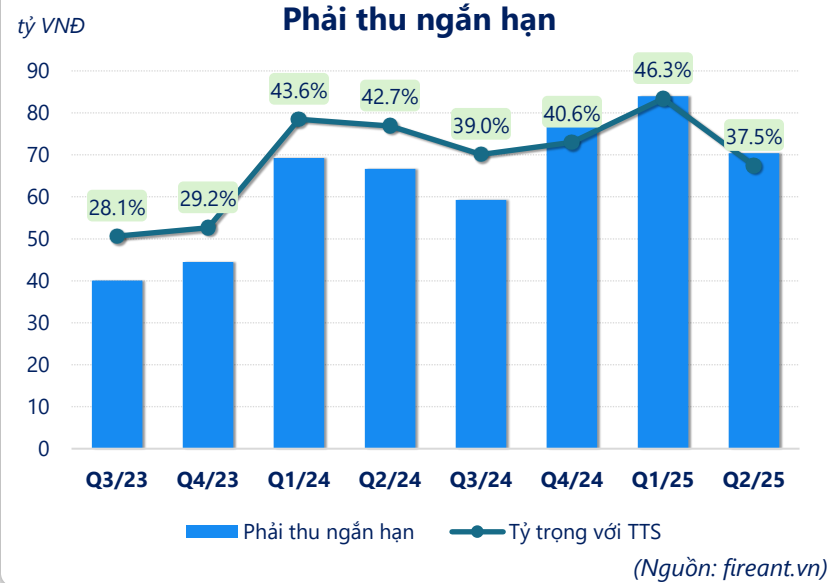
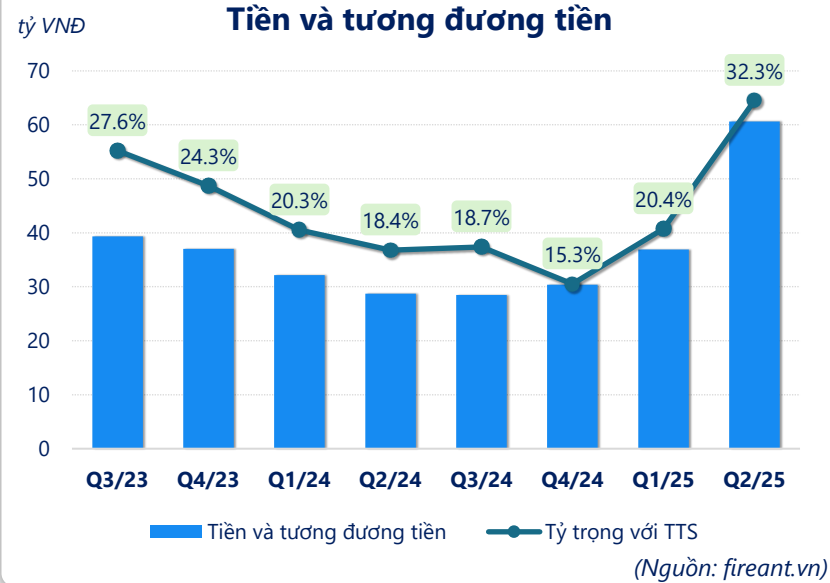
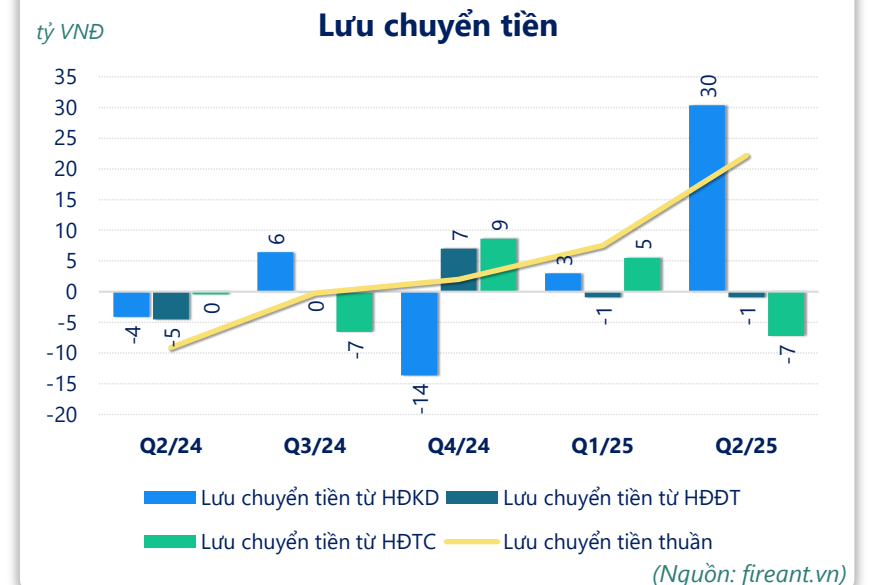
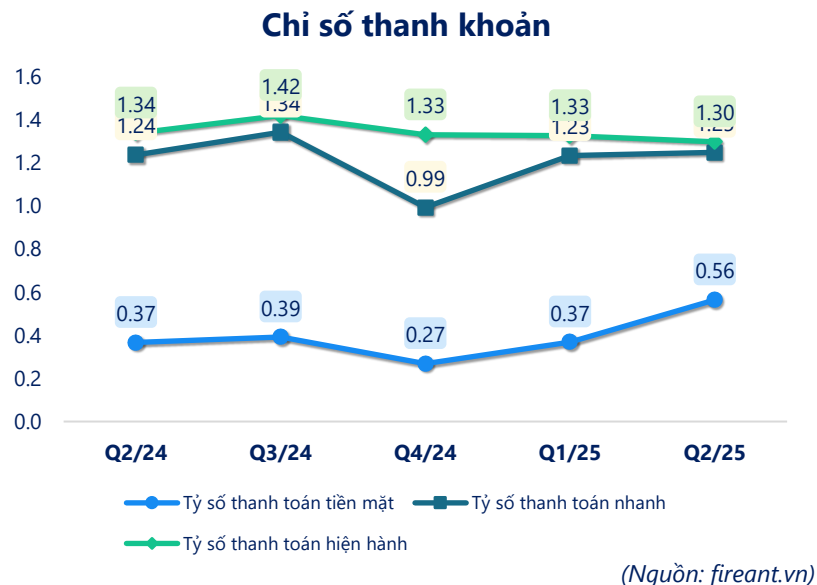
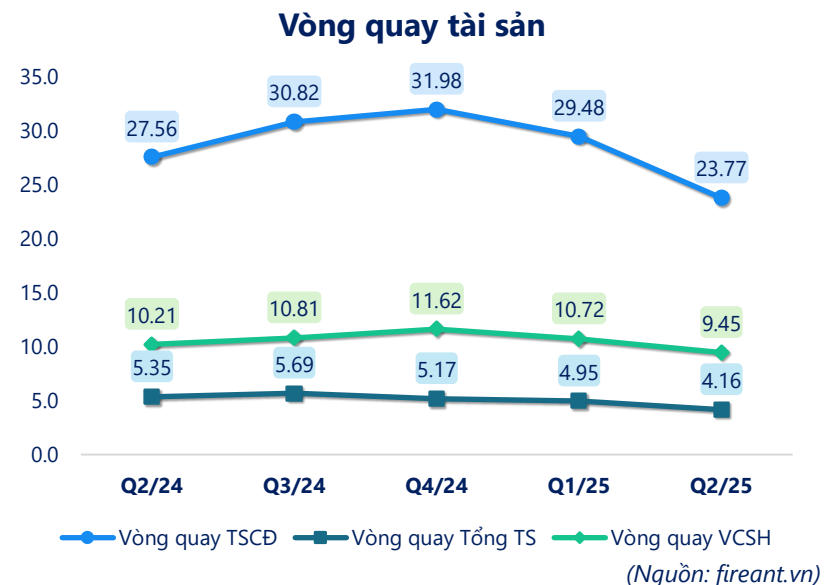
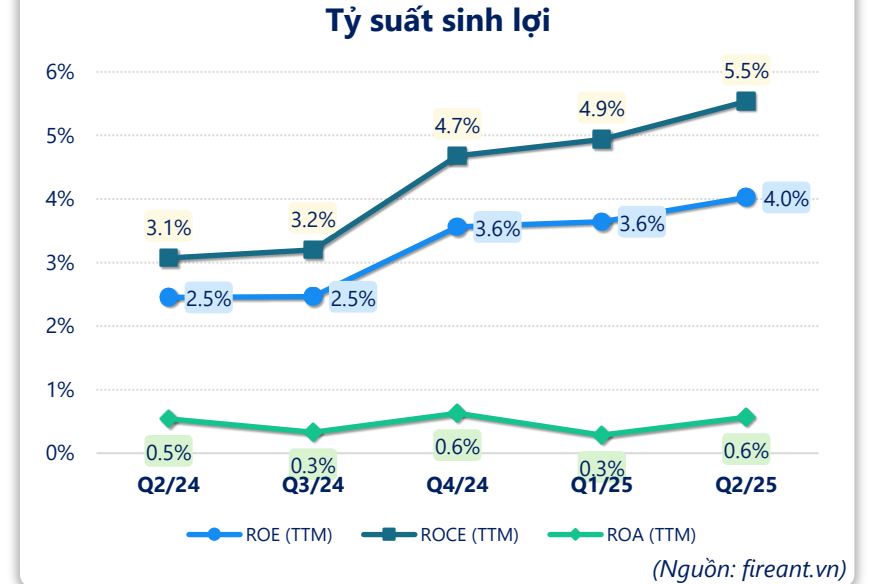
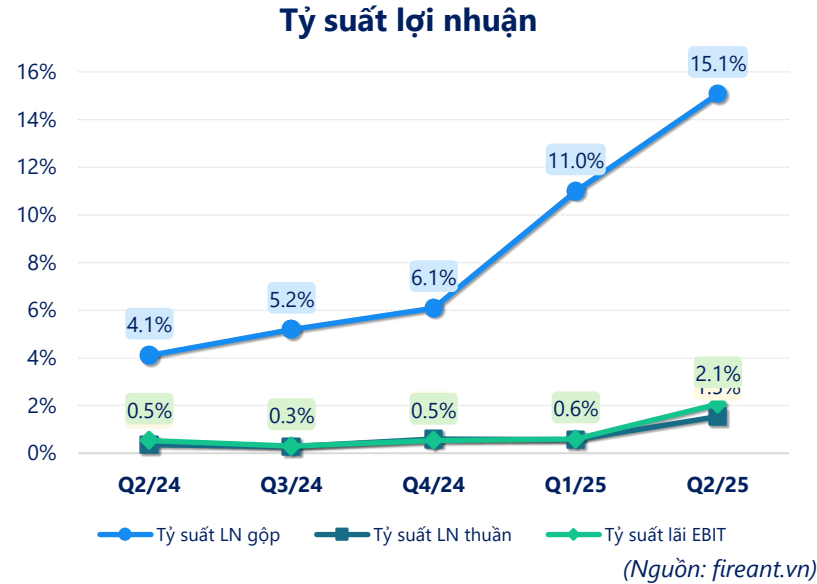
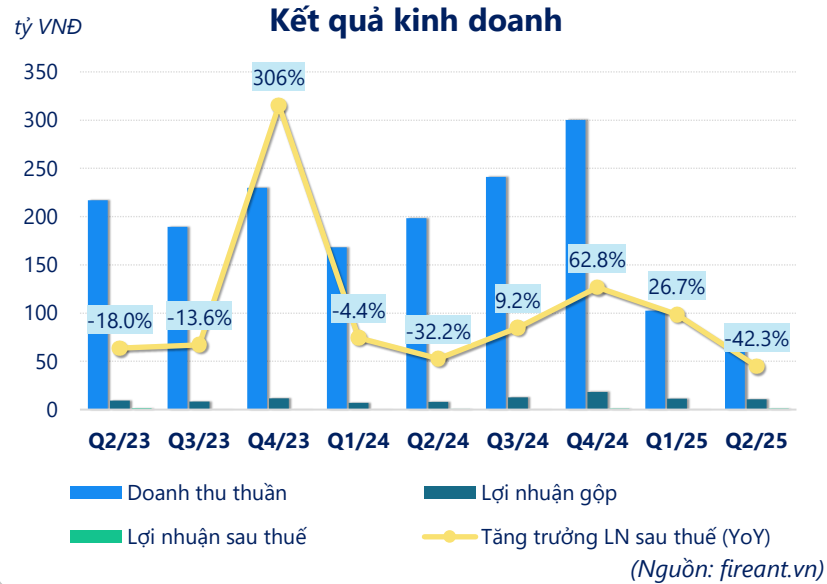


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,672
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,433
SL cổ phiếu LH		4,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		49
P/E		15.9
EPS		759

	YTD	1T	3T	6T
CKV	-2.3%	0.0%	-2.3%	-2.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	188	199	-5.5%
Tài sản ngắn hạn	139	150	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	60.6	30.4	99.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.60	0	
Phải thu ngắn hạn	70.4	80.6	-12.7%
Hàng tồn kho	5.22	38.1	-86.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.60	0.91	186%
Tài sản dài hạn	48.5	48.9	-1.0%
Phải thu dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản cố định	28.2	29.7	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.0	14.0	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	4.26	3.18	33.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	122	-8.0%
Nợ ngắn hạn	107	113	-4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.7	3.47	208%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.2	43.9	19.0%
Nợ dài hạn	4.67	8.80	-46.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.10	8.80	-76.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	75.8	77.1	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	75.8	77.1	-1.7%
Vốn điều lệ	40.5	40.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	198	241	300	102	71.1
Giá vốn hàng bán	190	229	282	91.2	60.4
Lợi nhuận gộp	8.14	12.5	18.3	11.3	10.7
Doanh thu HĐTC	0.22	0.13	0.23	0.09	0.65
Chi phí TC	0.04	0.12	0.15	0.25	0.15
Chi phí lãi vay	0.05	0.12	0.09	0	0.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.11	9.97	13.4	8.35	8.28
Chi phí QLDN	0.50	1.89	3.15	2.17	1.85
LN thuần từ HĐKD	0.71	0.67	1.78	0.58	1.10
Lợi nhuận khác	0.29	-0.06	-0.29	0.03	0.00
LN trước thuế	1.01	0.61	1.49	0.61	1.10
Lợi nhuận sau thuế	0.79	0.48	1.10	0.48	0.97
LNST của CĐ cty mẹ	0.79	0.48	1.10	0.48	0.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.10	6.41	-13.6	2.97	30.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.53	-0.10	7.00	-0.92	-0.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.45	-6.56	8.64	5.48	-7.24
Tiền đầu kỳ	32.2	28.7	28.5	29.4	36.9
Lưu chuyển tiền thuần	-9.09	-0.26	2.01	7.52	22.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0	-0.08	0	0.51
Tiền cuối kỳ	28.7	28.5	30.4	36.9	60.6

(Nguồn: fireant.vn)